TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Đặng Thị Phương Quyên.

2/. Ông Phan Anh Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 321/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị M, sinh năm 1990 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Trương Anh K, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị M trình bày:

Tôi và anh Trương Anh K do quen biết nhau, tìm hiểu nhau hơn 06 tháng thì kết hôn, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 23/12/2019. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống chung với gia đình chồng tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang được khoảng 04 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên tôi nộp đơn ly hôn nhưng anh K và gia đình anh K hòa giải nên tôi rút đơn lại. Hiện nay vợ chồng tôi tiếp tục mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng thường xuyên nhậu, đi chơi với bạn bè có sử dụng ma túy vì tôi thấy có các dụng cụ sử dụng ma túy trong phòng. Anh K không lo làm ăn phụ giúp gia đình mà thường xuyên đi chơi. Anh K không quan

tâm chăm sóc vợ con. Tôi có nói sự việc trên cho anh K biết, anh K hứa thay đổi nhưng không thay đổi. Ngoài ra vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, trước đây có lần đánh nhau 2-3 lần. Do mâu thuẫn nên tôi và anh K ly thân nhau từ tháng 5 năm 2022, tôi về nhà mẹ ruột tôi sinh sống, từ đó chúng tôi sống ly thân nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trương Thanh V, sinh ngày 09/5/2021. Từ lúc ly thân đến nay con chung do tôi trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Anh K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị M có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh K, chị M.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị M yêu cầu được ly hôn với anh K và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị M, anh K có đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh K có nơi cư trú tại xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị M, anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 23/12/2019 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị M trình bày mâu thuẫn gia đình giữa chị và anh K là do anh K thường xuyên nhậu, đi chơi với bạn bè có sử dụng ma túy. Anh K không lo làm ăn phụ giúp gia đình mà thường xuyên đi chơi, không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị M có khuyên anh K hứa thay đổi nhiều lần nhưng không thay đổi. Ngoài ra vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau, đánh nhau 2-3 lần.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị M giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Anh K mặc dù đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Điều đó chứng tỏ anh K đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì "vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" nhưng anh K và chị M không còn quan tâm nhau, không cùng nhau chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên mâu thuẫn gia đình giữa chị M và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị M và anh K có 01 con chung là cháu Trương Thanh V, sinh ngày 09/5/2021. Từ lúc ly thân đến nay cháu V do chị M trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay cháu V chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc nuôi dưỡng từ mẹ nên cần thiết giao cháu V cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị mãi không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Chị M và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị M được ly hôn với anh Trương Anh K.

Về con chung: Giao cháu Trương Thanh V, sinh ngày 09/5/2021 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh K chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M chưa yêu cầu.

Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số

0017733 ngày 22/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị M đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M, anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giang